

BÀI 2. STRESS & RULES TO MARK STRESS QUI TẮC ĐÁNH TRỌNG ÂM

As we all know, marking primary stresses on multi-syllable words is so much challenging for not only English learners, but the teachers as well. There have many different ideas on this matter. For many teachers, it is essential and better to teach stress while teaching each word itself to the students. This is undoubtedly an excellent approach, but how the students remember all individual words together with their primary stress pattern is a big question. And, the students may forget the word, or its stress pattern, or they may find it impossible to guess a new word's stress pattern. Other teachers believe that it is important for the students to be provided with rules for marking stress, after that they are able to do the practice better. In fact, English, as we know, is not a phonetically alphabet language, and there are always irregular words facing the students.

Như chúng ta đều biết, việc xác định vị trí trọng âm chính đối với các từ đa âm tiết trong tiếng Anh là thử thách không chỉ đối với người học mà đối với cả giáo viên. Có nhiều quan điểm khác nhau về việc dạy cách xác định trọng âm chính đối với từ đa âm tiết. Nhiều người cho rằng cách tốt nhất để dạy phần trọng âm là dạy cách phát âm và trọng âm cho từng từ đơn lẻ khi đề cập hay giảng dạy. Như vậy người học sẽ phải học thuộc vị trí trọng âm với từng từ đơn lẻ được dạy. Đây là một ý kiến tốt, tuy vậy, sẽ tốn rất nhiều thời gian để người học ghi nhớ từng từ kèm theo vị trí trọng âm, việc quên trọng âm của một từ hay không có khả năng suy đoán vị trí trọng âm của các từ mới gặp sẽ là khó khăn cho người học. Những ý kiến khác lại cho rằng bộ quy tắc đánh trọng âm mà người học được trang bị sẽ giúp họ giải quyết tốt các bài tập về trọng âm. Nhưng trên thực tế, tiếng Anh là ngôn ngữ không có quy luật cấu âm theo dạng ghép chữ cái, và những cách phát âm ngoại lệ cũng là khó khăn mà người học phải đối mặt.

Trong khuôn khổ bài này, một số qui tắc phổ biến và hữu ích để xác định vị trí trọng âm chính đối với các từ tiếng Anh đa âm tiết được chia sẻ, và sẽ là công cụ hữu ích cho người dạy và học hoàn thành tốt nhiệm vụ của bài học này.

MỘT SỐ QUI TẮC ĐÁNH TRỌNG ÂM CHÍNH CHO CÁC TỪ ĐA ÂM TIẾT BASIC RULES FOR MARKING PRIMARY STRESSES ON MULTI-SYLLABLE WORDS

What is the main (primary) stress of a word? *Main (primary) stress of a word (bearing more than one syllable) is the degree of the loudness or prominence with which a sound or a word is pronounced. Trọng âm chính của một từ đa âm tiết là độ lớn hay thống trị về âm của một âm tiết khi một chùm âm của một từ (có từ hai âm tiết trở lên) được đọc, nói hay phát âm.*

Some basic rules to mark stresses – Những qui tắc xác định vị trí trọng âm cơ bản:

2.1. For di-syllable words: Đối với các từ có 2 âm tiết.

a. Trọng âm chính của các từ có hai âm tiết thường rơi vào âm tiết thứ 2 đối với các động từ (trừ trường hợp các âm tiết thứ 2 đó có chứa nguyên âm /ə/, /I/, hoặc /əʊ/), và rơi vào âm tiết thứ nhất đối với các từ loại còn lại (trừ trường hợp âm tiết thứ nhất đó

có chứa nguyên âm đơn /ə/). (Primary stresses on di-syllable words are usually on the second syllables for verbs whose second syllables don't contain the vowel sounds of /ə/, /ɪ/, and /əʊ/, and on the first syllables of the other words except for the syllables bearing the vowel sound of /ə/).

Examples:

Verbs		Transcriptions		Nouns		Transcriptions	
1.	appeal	/ ə'pi:l /	2	1.	brother	/ 'brʌðə /	1
2.	appear	/ ə'pɪr /	2	2.	color	/ 'kʌlə /	1
3.	approach	/ ə'prɔ:tʃ /	2	3.	dhoti	/ 'həʊti /	1
4.	arrange	/ ə'reɪdʒ /	2	4.	father	/ 'fɑ:ðə /	1
5.	decide	/ di'saɪd /	2	5.	mother	/ 'mʌðə /	1
6.	invite	/ ɪn'vaɪt /	2	6.	palace	/ 'pælɪs /	1
7.	prepare	/ prɪ'peə /	2	7.	people	/ 'pi:pl /	1
8.	provide	/ prə'vaɪd /	2	8.	pupil	/ 'pʊpəl /	1
9.	support	/ sə'pɔ:t /	2	9.	student	/ 'stju:dnt /	1
10.	surprise	/ sə'praɪs /	2	10.	summer	/ 'sʌmə /	1

hoặc:

Adjectives		Transcriptions		Adverbs		Transcriptions	
1.	ancient	/ 'eɪnsənt /	1	1.	ever	/ 'evə /	1
2.	annual	/ 'ænjʊəl /	1	2.	hardly	/ 'hɑ:dlɪ /	1
3.	concave	/ 'kɒnkeɪv /	1	3.	never	/ 'nevə /	1
4.	cozy	/ 'kəʊzɪ /	1	4.	often	/ 'ɔ:fn /	1
5.	easy	/ 'i:zɪ /	1	5.	rarely	/ 'reəli /	1
6.	happy	/ 'hæpɪ /	1	6.	rather	/ 'rɑ:ðə /	1
7.	muddy	/ 'mʌdɪ /	1	7.	really	/ 'riəli /	1
8.	noisy	/ 'nɔɪzɪ /	1	8.	scarcely	/ 'skeəslɪ /	1
9.	quiet	/ 'kwaɪət /	1	9.	seldom	/ 'seldəm /	1
10.	ready	/ 'redɪ /	1	10.	sometimes	/ 'sʌmtaɪmz /	1

Except for: Ngoại trừ các trường hợp

Verbs		Transcriptions		Others		Transcriptions	
1.	borrow	/ 'bɔrəʊ /	1	1.	afraid	/ ə'freɪd /	2
2.	bother	/ 'bɔðə /	1	2.	across	/ ə'krɔs /	2
3.	broaden	/ 'brɔðən /	1	3.	around	/ ə'raʊnd /	2
4.	enter	/ 'entə /	1	4.	canal	/ kə'næl /	2
5.	follow	/ 'fɒləʊ /	1	5.	career	/ kə'riə /	2
6.	harbor	/ 'hɑ:bə /	1	6.	surround	/ sə'raʊnd /	2
7.	suffer	/ 'sʌfə /	1	7.	polite	/ pə'laɪt /	2
8.	widen	/ 'waɪdən /	1	8.	police	/ pə'li:s /	2
9.	loosen	/ 'lu:zən /	1	9.	today	/ tə'deɪ /	2
10.	tighten	/ 'taɪtən /	1	10.	tonight	/ tə'nait /	2

b. Đối với những từ có mang tiền tố, hậu tố, trọng âm chính của từ đó **thường** rơi vào âm tiết gốc. (Primary stresses on di-syllable words are usually on the root syllables with words having suffixes or prefixes).

Như bảng sau:

Prefixes	Transcriptions	Suffixes	Transcriptions
1. become	/ bɪ'kʌm /	1. threaten	/ 'θretən /
2. react	/ rɪ'ækt /	2. failure	/ 'feɪljʊə /
3. foretell	/ fɔ'tel /	3. daily	/ 'deɪli /
4. begin	/ bɪ'ɡɪn /	4. treatment	/ 'tri:tmənt /
5. unknown	/ ʌn'knəʊn /	5. ruler	/ 'ru:lə /
6. prepaid	/ prɪ'peə /	6. quickly	/ 'kwɪkli /
7. redo	/ rɪ'du /	7. builder	/ 'bɪldə /
8. overact	/ əv'ækt /	8. lately	/ 'leɪtli /
9. upload	/ ʌp'ləʊd /	9. actual	/ 'æktʃuəl /
10. dislike	/ dɪs'lɑɪk /	10. sandy	/ 'sændi /

Ngoại trừ: unkeep / 'ʌnki:p/

Chú ý: Đối với những từ có nhiều chức năng từ vựng khác nhau, trọng âm chính thường rơi vào âm tiết thứ 2 đối với động từ, rơi vào âm tiết thứ nhất đối với các từ loại còn lại. (For words having different word-classes, the main stresses are usually on the second syllables for verbs, the first for other word-classes).

Như bảng sau:

Verbs	Transcriptions	Others	Transcriptions
1. rebel	/ rɪ'bel /	1. rebel	/ 'rebəl /
2. progress	/ prə'ɡres /	2. progress	/ 'prɒɡres /
3. suspect	/ səs'pekt /	3. suspect	/ 'sʌspekt /
4. record	/ rɪ'kɔ:d /	4. record	/ 'rekəd /
5. export	/ ɪks'pɔ:t /	5. export	/ 'eksɒt /
6. conflict	/ kɒn'flɪkt /	6. conflict	/ 'kɒnflɪkt /
7. permit	/ pə'mɪt /	7. permit	/ 'pɜ:mɪt /
8. conduct	/ kɒn'dʌkt /	8. conduct	/ 'kɒn dʌkt /
9. perfect	/ pə'fekt /	9. perfect	/ 'pɜ:fekt /
10. import	/ ɪm'pɔ:t /	10. import	/ 'ɪmpɒt /

2.2. For words with more than two syllables: Đối với các từ có hơn 2 âm tiết.

Đối với các từ có hơn hai âm tiết thông thường trọng âm chính **thường** rơi vào âm tiết thứ ba kể từ âm tiết cuối. (Primary stresses are usually on the 3rd syllables from the end for words with more than two syllables.)

Như bảng sau:

Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. family	/ 'fæmɪli /	11. biology	/ baɪ'ɔ:lɒdʒi /
2. cinema	/ 'sɪnəmə /	12. democracy	/ dɪ'mɔ:krəsi /

3. regular	/ 'regjələ /	13. satisfy	/ 'sætɪsfaɪ /
4. singular	/ 'sɪŋgjələ /	14. dedicate	/ 'delɪkeɪt /
5. international	/ ɪntə'næʃənəl /	15. philosophy	/ fɪ'lɔ:səfɪ /
6. demonstrate	/ 'demənstreɪt /	16. philosopher	/ fɪ'lɔ:səfə /
7. recognize	/ 'rekɔɡnaɪz /	17. character	/ 'kærɪktə /
8. psychology	/ saɪ'kɔ:lɔdʒɪ /	18. interest	/ 'ɪntərəst /
9. qualify	/ 'kwɔ:lɪtɪ /	19. internet	/ 'ɪntənət /
10. biologist	/ baɪ'ɔ:lɔdʒɪst /	20. different	/ 'dɪfərənt /

Đối với các từ có tận cùng như “*ian*”, “*ic*”, “*ience*”, “*ient*”, “*al*”, “*ial*”, “*ual*”, “*eous*”, “*ious*”, “*iar*”, “*ion*”, trọng âm thường rơi vào âm tiết liền trước của các tận cùng này – thứ 2 kể từ âm tiết cuối. (For words ending in suffixes as “*ian*”, “*ic*”, “*ience*”, “*ient*”, “*al*”, “*ial*”, “*ual*”, “*eous*”, “*ious*”, “*iar*”, “*ion*”, primary stresses are usually on the preceding syllables of these suffixes).

Như bảng sau:

Endings	Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. <i>ian</i>	physician	/ fɪ'zɪksən /	musician	/ mju'zɪksən /
2. <i>ic</i>	athletic	/ eθ'letɪk /	energetic	/ enə'dʒetɪk /
3. <i>ience</i>	experience	/ ɪks'prɪəns /	convenience	/ kən'veniəns /
4. <i>ient</i>	expedient	/ ɪks'pedɪənt /	ingredient	/ ɪn'grɪ:diənt /
5. <i>al</i>	parental	/ pə'rentəl /	refusal	/ re'fju:zəl /
6. <i>ial</i>	essential	/ ɪ'senʃəl /	confidential	/ kənfi'denʃəl /
7. <i>ual</i>	habitual	/ hæ'bi:tʃuəl /	individual	/ ɪndɪ'vi:dʒuəl /
8. <i>eous</i>	courageous	/ kə'rægəʊs /	spontaneous	/ spɒn'tænəʊs /
9. <i>ious</i>	delicious	/ de'li:ʃɪʊs /	industrious	/ ɪn'dʌstriəʊs /
10. <i>ion</i>	decision	/ dɪ'si:ʒn /	communication	/ kəmju:nɪ'keɪʃn /
11. <i>iar</i>	familiar	/ fə'mi:lɪə /	unfamiliar	/ ʌnfə'mi:lɪə /

Trừ: television / 'televɪzən /

Đối với các từ có tận cùng “*ese*”, “*ee*”, “*eer*”, “*ier*”, “*ette*”, “*oo*”, “*esque*”, trọng âm thường rơi vào chính các âm tiết chứa các tận cùng này. (For words ending in suffixes as “*ee*”, “*eer*”, “*ese*”, “*ier*”, “*ette*”, “*esque*”, “*oo*”, primary stresses are usually on these suffixes).

Như bảng sau:

Endings	Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. <i>ee</i>	refugee	/ refjʊ'dʒi: /	employee	/ ɪmplɔ'i: /
2. <i>eer</i>	volunteer	/ vɒlʌn'tiə /	engineer	/ endʒɪ'nɪə /
3. <i>ese</i>	Portuguese	/ pɔ:tʃu'gi:s /	Vietnamese	/ vi:etnʌ'mi:s /
4. <i>ette</i>	ushrette	/ ʌʃ'ret /	cigarette	/ sɪgə'ret /
5. <i>esque</i>	bamboo	/ bæm'bu: /	picturesque	/ pɪktʃə'res /
6. <i>oo</i>	kangaroo	/ kæn'gru: /	cuckoo	/ kʊ'ku: /
7. <i>oon</i>	saloon	/ sæ'lu:n /	typhoon	/ taɪ'fu:n /

Đối với các từ có tận cùng là “*ate*”, “*fy*”, “*ity*”, “*ize*”, trọng âm chính thường rơi vào âm tiết thứ ba kể từ âm tiết cuối. (For words ending in “*ate*”, “*fy*”, “*ity*”, “*ize*”, primary stresses are usually on the 3rd syllables from the end.)

Như bảng sau:

Endings	Words	Transcriptions	Words	Transcriptions
1. <i>ate</i>	dedicate	/ 'dedikeɪt /	communicate	/ kə'mjʊnikeɪt /
2. <i>fy</i>	classify	/ 'kla:sifaɪ /	satisfy	/ 'sætɪsfaɪ /
3. <i>ity</i>	ability	/ ə'bi:lɪtɪ /	responsibility	/ respɔ:si'bi:lɪtɪ /
4. <i>ize</i>	recognize	/ 'rekɔɡnaɪz /	urbanize	/ 'z:bənaɪz /
5. <i>ety</i>	society	/ səʊ'saɪəti /	anxiety	/ æŋ'zaɪəti /

Một số trường hợp đặc biệt cần lưu ý:

on the first syllable

Words	Transcriptions
1. internet	/ 'ɪntənət /
2. interest	/ 'ɪntərɪst /
3. interested	/ 'ɪntərɪstɪd /
4. interesting	/ 'ɪntərɪstɪŋ /
5. character	/ 'kærɪktə /
6. characterize	/ 'kærɪktəraɪz /
7. different	/ 'dɪfərənt /
8. difference	/ 'dɪfərəns /
9. differently	/ 'dɪfərəntli /
10. difficult	/ 'dɪfɪkəlt /
11. difficulty	/ 'dɪfɪkəltɪ /
12. difficultly	/ 'dɪfɪkəltli /

on the second syllable

Words	Transcriptions
1. important	/ ɪm'pɔ:tənt /
2. remember	/ rɪ'membə /
3. deliver	/ dɪ'livə /
4. september	/ sep'tembə /
5. october	/ ɔk'təʊbə /
6. november	/ nəʊ'vembə /
7. december	/ dɪ'sembə /

3rd syllable words

Words	Transcriptions
1. magazine	/ məgə'zi:n /
2. understand	/ ʌndə'stænd /
3. recommend	/ rɪkə'mend /
4. comprehend	/ kəmprɪ'hend /

Notes: chú ý:

Trên thực tế không có một qui tắc bất biến cho việc xác định vị trí trọng âm của từ.

Việc xác định trọng âm cần thực hiện cùng cách phát âm, dựa nhiều vào kinh nghiệm.

Những bài tập được cung cấp là những bài tập có tần suất sử dụng lớn để soạn đề thi.

Some other rules to mark stresses: Những qui tắc xác định vị trí trọng âm khác:

3.1. Compound words: Từ ghép:

Đối với từ ghép gồm hai loại danh từ thì nhấn vào âm tiết đầu: typewriter; suitcase; teacup; sunrise.

Đối với từ ghép có tính từ ở đầu, còn cuối là từ kết thúc bằng **-ed**, nhấn vào âm tiết đầu của từ cuối: bad-tempered.

Đối với từ ghép có tiếng đầu là con số thì nhấn vào tiếng sau: three-wheeler.

Từ ghép đóng vai trò là trạng ngữ thì nhấn vào sau: down-stream (hạ lưu).

Từ ghép đóng vai trò là động từ nhưng tiếng đầu là trạng ngữ thì ta nhấn âm sau: down-**grade** (hạ bệ); ill-**treat** (ngược đãi, hành hạ).

Danh từ kép: nhấn ở **yếu tố thứ nhất** của danh từ:

Noun-Noun: **classroom**, **teapot**

Noun + Noun: **apple tree**, **fountain pen**

Gerund (V-ing) + Noun: **writing paper**, **swimming pool**

Others:

Từ cuối là dụng cụ cho từ đầu: a **soup** spoon, a **shool** bus

Từ đầu xác định từ cuối: a **mango** tree; an **apple** tree

Từ cuối là danh từ tận cùng bằng: er, or, ar: a **bookseller**

Trọng âm ở từ sau nếu từ trước chỉ vật liệu chế tạo ra từ sau: a paper **bag**, a brick **house**

3.2. First syllable stressed: Nhấn vào âm tiết liền trước của các âm liệt kê.

ity: ability, possibility, simplicity, complexity.

ety: society, anxiety

ic, ics: electric, phonetic, athletics [ngoại lệ: **politic**, **catholic**, Arabic]

ical: historical, electrical, economical, identical

ive: impressive, possessive [ngoại lệ: **adjective**, **transitive**, **intransitive**, **positive**]

ative: predicative, causative, superlative

able: countable, recognizable [ngoại lệ: **honorable**, **comfortable**, **miserable**, **admirable**, **valuable**, **inexorable**]

ible: comprehensible, indefensible

tion, tional: demonstration, dictation, conditional, educational

sion, sional: profession, impression, occasional

y (2 phụ âm): **happy**, **busy**

3.3. Third syllable from the end stressed: Nhấn vào âm tiết thứ ba kể từ âm tiết cuối của các từ có tận cùng như.

ate: concentrate, execrate, generate

tude: gratitude, solitude, attitude

ogy: physiology, geology (địa chất học), phonology, physiology

sophy: philosophy

aphy: biography, photography, autobiography

metry: geometry, photometry

nomy: economy, physiognomy

3.4. Final syllable stressed: Nhấn vào âm tiết cuối khi nó chứa các tổ hợp.

ade: lemonade, promenade

ee: trainee, payee, disagree, employee, guarantee

eer: volunteer, pioneer

ese: Vietnamese, Chinese, Japanese

ette: usherette, cigarette, silhouette (“h” câm), statuette.

esque: statuesque, picaresque, picturesque [“que” câm, nhấn “es”]

oo: bamboo, shampoo

oon: typhoon, saloon

Amax